

Số: 850 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 09 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
dự án “Xây dựng điểm dân cư, thương mại dịch vụ Mai Hạ,
xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 490/TTr-TNMT ngày 04/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng điểm dân cư, thương mại dịch vụ Mai Hạ, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa” (sau đây gọi là dự án) của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hiệp Hòa (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả, các nội dung, yêu cầu

¹ Thành lập theo Quyết định số 350/QĐ-TNMT ngày 24/4/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ; UBND huyện Hiệp Hòa; UBND xã Mai Đình; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hiệp Hòa và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hiệp Hòa (trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
 - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
 - + Lưu: VT, MT.Toàn

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ô Pích

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
dự án “Xây dựng điểm dân cư, thương mại dịch vụ Mai Hạ, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa”

*(Kèm theo Quyết định số 850 /QĐ-UBND ngày 09 /8/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: “Xây dựng điểm dân cư, thương mại dịch vụ Mai Hạ, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa”.
- Địa điểm thực hiện: Xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.
- Chủ dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hiệp Hòa.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Quy mô, công suất của dự án:

+ Diện tích dự án khoảng 2,86 ha.

+ Quy mô dân số dự kiến khoảng 320 người.

+ Dự án dự kiến đầu tư đồng bộ toàn bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới, bao gồm các hạng mục: Giao thông; san nền; hệ thống cấp nước; hệ thống thoát và xử lý nước thải; hệ thống thoát nước mưa; hệ thống cấp điện trạm biến áp, điện sinh hoạt và điện chiếu sáng; hệ thống ống, hố ga ngầm hóa đường dây thông tin liên lạc, viễn thông; khuôn viên cây xanh, bãi đỗ xe.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: Xây dựng mới đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án, bao gồm các hạng mục: Giao thông; san nền; hệ thống cấp nước; hệ thống thoát, xử lý nước thải; hệ thống thoát nước mưa; hệ thống cấp điện trạm biến áp, điện sinh hoạt và điện chiếu sáng; hệ thống ống, hố ga ngầm hóa đường dây thông tin liên lạc, viễn thông; khuôn viên cây xanh, bãi đỗ xe.

- Hoạt động của dự án đầu tư:

+ Hoạt động triển khai xây dựng dự án (giải phóng mặt bằng và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án).

+ Hoạt động vận hành dự án (hoạt động của người dân tại dự án).

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang thì dự án

“Xây dựng điểm dân cư, thương mại dịch vụ Mai Hạ, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa” có tổng diện tích thu hồi đất để thực hiện dự án là 2,86 ha, trong đó diện tích đất lúa cần phải chuyển đổi mục đích sử dụng đất khoảng 2,7 ha.

- Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng điểm dân cư, thương mại dịch vụ Mai Hạ, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa” thì tổng diện tích khu đất thực hiện dự án 2,86 ha, trong đó diện tích đất lúa cần phải chuyển đổi mục đích sử dụng đất 2,7 ha, đất khác 0,16 ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Việc chiếm dụng đất: Dự án chiếm dụng khoảng 2,86 ha, trong đó diện tích đất lúa khoảng 2,7 ha, đất khác 0,16 ha.

- Hoạt động giải phóng mặt bằng:

+ Tác động do bom mìn tồn lưu trong đất.

+ Tác động do hoạt động phát quang thực vật.

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc:

+ Bụi và khí thải phát sinh từ các nguồn sau:

++ Từ hoạt động đào đắp, san gạt mặt bằng dự án; từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng và đất san lấp mặt bằng.

++ Từ quá trình đốt cháy nhiên liệu của máy móc, thiết bị thi công trên công trường; từ quá trình lưu trữ nguyên vật liệu; từ quá trình hàn; từ quá trình trải bê tông nhựa nóng.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường; nước thải từ quá trình thi công, rửa máy móc, thiết bị (từ hoạt động vệ sinh máy móc thiết bị, dưỡng hộ bê tông, nước rửa nguyên vật liệu) và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật; đất đào hữu cơ phát sinh từ quá trình thi công đường giao thông; chất thải rắn xây dựng phát sinh do hoạt động thi công xây dựng dự án; chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của các hộ dân:

+ Phát sinh nước thải của các hộ dân trong khu vực dự án và khu dân cư hiện trạng tiếp giáp dự án.

+ Phát sinh chất thải rắn sinh hoạt từ các hoạt động sinh hoạt hàng ngày tại khu vực dự án.

+ Phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động giao thông trên các tuyến đường nội bộ dự án. Phát sinh khí thải từ hoạt động đun nấu tại dự án.

- Chất thải thông thường từ hoạt động duy tu, bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật; bùn thải từ bể tự hoại, trạm xử lý nước thải; chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

3.1.1. Khí thải, nước thải

** Nước thải:*

- Nước thải từ quá trình thi công xây dựng khoảng 2,4 m³/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng (SS), BOD₅, COD,...

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công khoảng 1,92 m³/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, tổng Coliforms,....

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng kéo theo đất, cát, chất cặn bã, dầu mỡ xuống cống thoát nước xung quanh, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS)...

** Khí thải:*

+ Bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp, san gạt mặt bằng dự án; từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong quá trình vận chuyển đất san lấp mặt bằng; từ hoạt động bóc dỡ, tập kết nguyên vật liệu xây dựng; từ hoạt động thổi bụi làm sạch mặt đường trước khi rải nhựa (tuyến đường nội bộ), với thông số ô nhiễm đặc trưng là tổng bụi lơ lửng.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu thi công và đất san lấp mặt bằng; từ hoạt động của các máy móc, phương tiện thi công, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO_x, bụi,...

+ Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn hàn, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO_x, khói hàn.

+ Khí thải (hơi nhựa) phát sinh từ quá trình trải bê tông nhựa nóng, với thông số ô nhiễm đặc trưng là VOC_s,...

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân xây dựng khoảng 15 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường từ hoạt động phát quang thảm thực vật khoảng 3,75 tấn, với thành phần chủ yếu là gốc rễ hoa màu, cây bụi,...

- Đất đào hữu cơ phát sinh từ quá trình thi công đường giao thông khoảng 3.384 m³.

- Chất thải xây dựng (như: gạch vỡ, sỏi, đá, cát, mẫu sắt thép, vỏ bao xi măng...) phát sinh khoảng 108 kg/ngày.

- Chất thải nguy hại từ hoạt động thi công xây dựng (như: giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại, bóng đèn huỳnh quang vỡ, hỏng,...) phát sinh khoảng 455 kg/12 tháng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị xây dựng và các phương tiện vận tải vận chuyển nguyên vật liệu.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực, tác động đến giao thông khu vực và trên tuyến đường vận chuyển; tác động đến người tham gia giao thông; tác động đến hệ sinh thái, sản xuất nông nghiệp...

- Tác động do rủi ro, sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ,...

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 64,6 m³/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, tổng Coliforms,....

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực kéo theo đất, cát, chất cặn bã xuống cống thoát nước xung quanh, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS)...

* Khí thải:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông ra vào dự án, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO_x, SO₂....

+ Khí thải từ hoạt động đun nấu trong khu vực dự án, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, NO₂, SO₂, THC...

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy điều hòa nhiệt độ.

+ Mùi phát sinh từ khu tập kết rác thải sinh hoạt, với thông số ô nhiễm đặc trưng là Amoni, H₂S....

3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình sinh hoạt của các hộ dân sống tại dự án khoảng 160 kg/ngày.

- Bùn thải từ bể tự hoại phát sinh khoảng 12,8m³/năm, từ trạm xử lý nước thải phát sinh khoảng 0,31 m³/năm.

- Chất thải phát sinh từ quá trình bảo dưỡng, duy tu công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án:

+ Bùn, cặn từ hoạt động nạo vét cống, rãnh thoát nước mưa, nước thải khoảng 3,65 m³/6 tháng.

+ Cành cây bị chặt bỏ khoảng 8 m³/năm (sau 5 năm trồng cây mới phải cắt tỉa cành vào mùa mưa bão).

+ Bê tông nhựa thải phát sinh từ hoạt động sửa đường giao thông nội bộ khoảng 2,11 m³/lần (khoảng 3-5 năm sửa đường 1 lần),...

- Chất thải nguy hại từ hoạt động của dự án:

+ Dầu thải phát sinh từ 01 trạm biến áp khoảng 5.000 lít/lần thay (4 năm thay dầu 1 lần).

+ Bóng đèn huỳnh quang hỏng phát sinh khoảng 15,95 kg/tháng.

+ Bên cạnh các loại chất thải nguy hại trên, dự án còn có các loại đồ điện tử cũ hỏng, các loại chất thải khác phát sinh. Tuy nhiên, các loại chất thải này phát sinh không liên tục và không nhiều.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của phương tiện giao thông ra vào dự án.

2.3.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực; đến an ninh trật tự,...

- Tác động do sự cố cháy nổ; sự cố ngập úng; sự cố tắc/vỡ đường ống thu gom nước thải, trạm xử lý nước thải...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý khí thải, nước thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt:

+ Lắp đặt 01 nhà vệ sinh di động có bể tự hoại 3 ngăn dung tích 5 m³, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi xả thải ra môi trường. Định kỳ 03 tháng/lần bổ sung các chế phẩm E.M vào bể tự hoại để tăng cường hiệu quả xử lý.

+ Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút bùn cặn tại bể tự hoại đem đi xử lý theo quy định (định kỳ 06 tháng/lần).

- Nước thải thi công:

+ Quy hoạch một khu chứa và trộn nguyên vật liệu xây dựng (như: cát, sỏi, xi măng...) trong suốt quá trình thi công để thuận tiện cho việc phối trộn, tránh bố trí phân tán tràn lan trên khắp công trường, gây lãng phí nguyên vật liệu, khó quản lý và ô nhiễm môi trường.

+ Sử dụng tỷ lệ nước phối trộn vật liệu vừa đủ, hạn chế rò rỉ nước ra ngoài môi trường, đồng thời tiết kiệm nguồn nước.

+ Bố trí khoảng 2-3 thùng phuy chứa nước phục vụ rửa dụng cụ xây dựng, sau đó nước này được tận dụng cho phối trộn vật liệu xây dựng hoặc đập bụi.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Hạn chế nước mưa chảy tràn trong giai đoạn thi công xây dựng, Chủ Dự án phối hợp với đơn vị thi công thực hiện các biện pháp sau: Sử dụng rãnh đất thoát nước tạm thời trong giai đoạn thi công được thiết kế đảm bảo thoát nước tốt khi có mưa lớn; tổ chức nạo vét cống rãnh thoát nước, hồ lắng thường xuyên; hạn chế triển khai thi công vào mùa mưa bão; không tập kết nguyên vật liệu xây dựng gần rãnh thoát nước.

+ Thi công hệ thống thoát nước song song với hệ thống giao thông để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành hệ thống thoát nước khu vực dự án.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Các phương tiện vận chuyển nguyên, nhiên liệu,... khi tham gia giao thông có các tấm bạt che phủ kín nhằm hạn chế tối đa các tác động do bụi rơi vãi và khuếch tán vào môi trường không khí.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, máy xúc, máy ủi đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- Tưới nước trên công trường với tần suất 2 lần/ngày. Tưới nước dọc tuyến đường vận chuyển khi thời tiết khô hanh, nắng nóng với tần suất 04 lần/ngày, đặc biệt đối với đoạn đường đi qua các khu dân cư, khu trường học....

- Bố trí bãi rửa xe tại khu vực công trường để rửa thành xe, bánh xe tránh đất kéo từ khu vực dự án ra đường giao thông bên ngoài.

- Thường xuyên bố trí công nhân đi thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi trên đường để hạn chế việc phát tán bụi, ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Trang bị khẩu trang, găng tay, kính mắt,... cho những người làm việc tại các khu vực có khả năng phát sinh ô nhiễm không khí.

- Sử dụng hàng rào tôn cao 2m che chắn xung quanh khu vực dự án để cách ly và giảm thiểu tác động của bụi tới môi trường xung quanh dự án.

- Đối với bụi, khí thải phát sinh từ quá trình trải bê tông nhựa nóng:

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thực hiện công tác thổi bụi và các công nhân làm việc trong khu vực này (như: kính mắt, khẩu trang, quần áo bảo hộ....).

+ Tiến hành quét dọn bề mặt đường, thu dọn bùn đất rơi vãi. Quá trình quét dọn mặt đường tiến hành liên tục để hạn chế bụi phát tán khi đưa máy thổi bụi vào hoạt động.

+ Thực hiện các giải pháp kỹ thuật trong thi công như: Tưới ẩm nhiều lần cho tầng móng liên tục trong vài ngày trước khi trải nhựa. Khi thi công qua khu vực gần khu đông dân cư cần hạn chế việc thổi bụi với công suất lớn mà thổi với công suất nhỏ, từ từ. Tiến hành phun nước khoan vùng để hạn chế bụi khuếch tán rộng.

- Đối với khí thải phát sinh từ công đoạn hàn: Sử dụng các loại máy hàn đạt tiêu chuẩn, chất lượng; đồng thời trang bị các thiết bị an toàn lao động cá nhân cho công nhân làm việc (như: mũ, mặt nạ, quần áo bảo hộ lao động,...).

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Bố trí 02 thùng chứa có nắp đậy, dung tích 100 lít/thùng, đặt tại khu vực lán trại của công nhân để thu gom chất thải.

+ Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định (tần suất 02 ngày/lần).

- Chất thải phát quang và chất thải xây dựng:

+ Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật: Tạo điều kiện để cho các hộ dân thu gom toàn bộ cây trồng trên đất tận dụng tối đa vào các mục đích khác nhau. Đối với khối lượng thực bì dọn dẹp người dân không sử dụng được vào các mục đích nào cần thải bỏ, Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 01 tuần/lần).

+ Đất đào hữu cơ bề mặt thi công đường giao thông (khoảng 3.384 m³) được tận dụng để đắp vào khu đất trồng cây xanh trong phạm vi dự án, không vận chuyển đi đổ thải. Trường hợp tận dụng đất đào này làm vật liệu san lấp, đắp nền tại dự án hoặc vận chuyển đi làm vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng, đắp nền các dự án, công trình xây dựng khác, Chủ dự án phải thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan trước khi thực hiện tại thực địa.

+ Chất thải xây dựng được phân loại và xử lý như sau:

++ Các chất thải có thể tái sử dụng (như: sắt, thép,...) được bán cho đơn vị có chức năng để tái chế, tái sử dụng.

++ Các loại chất thải (như: bê tông, gạch vỡ) được đập nhỏ và tận dụng để san nền tại dự án.

++ Đối với các loại chất thải (như: vỏ bao xi măng, mảnh gỗ vụn,...) không tái sử dụng được, Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 01 tuần/lần).

+ Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Hạn chế tối đa việc sửa chữa máy móc, thiết bị thi công trong khu vực dự án. Các xe vận chuyển phải được đưa đến các gara để rửa, sửa chữa và bảo dưỡng để hạn chế phát sinh chất thải.

- Đối với mỗi loại chất thải nguy hại phát sinh, Chủ dự án bố trí 04 thùng có nắp đậy, có dung tích 200 lít để thu gom, lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại; hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải này theo quy định sau khi hoàn thiện việc thi công xây dựng.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Máy móc, thiết bị phải được kiểm định đạt tiêu chuẩn. Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc đảm bảo hoạt động hiệu quả.
- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm thiểu mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thi công xây dựng tại dự án (như: nút tai, bao tai...).
- Xây dựng lịch trình thi công hợp lý nhằm giảm mật độ các loại phương tiện thi công trong cùng một thời điểm.
- Không sử dụng máy móc có tiếng ồn lớn vào ban đêm và giờ nghỉ trưa để tránh tác động đến sinh hoạt của người dân. Thời gian thi công hoạt động từ 07h30-11h và 13h-18h.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Thuê đơn vị có chức năng rà phá bom mìn theo quy định trước khi tiến hành san lấp mặt bằng.
- Phổ biến cho tất cả các cán bộ, công nhân thi công trên công trường hiểu biết về nội quy lao động và an toàn lao động, thường xuyên nhắc nhở đôn đốc công nhân thực hiện đúng nội quy.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thi công xây dựng.
- Xây dựng nội quy phòng cháy, chữa cháy và kế hoạch ứng cứu sự cố cháy nổ. Công nhân trực tiếp làm việc tại công trường sẽ được tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng, chống cháy nổ.
- Đặt các biển cảnh báo cho người dân trong vùng biết công trường đang thi công, khu vực xe ra vào thường xuyên để người dân cảnh giác, tránh gây các trường hợp tai nạn giao thông xảy ra.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị vận tải để các phương tiện luôn hoạt động trong trạng thái tốt nhất. Các xe tải vận chuyển nguyên liệu luôn trong tình trạng hoạt động tốt, không bị hư hỏng phanh xe, lốp xe, còi,...;

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.2.1.1. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Bố trí trồng cây xanh trên vỉa hè dọc theo các tuyến đường và trong khu vực dự án.
- Thu gom và xử lý triệt để lượng chất thải rắn phát sinh hàng ngày từ đường xá, công rãnh, các khu vực công cộng.
- Nạo vét, thu gom và xử lý triệt để lượng chất thải từ các công rãnh, các khu vực công cộng (định kỳ 06 tháng/lần).
- Xây dựng hệ thống ga thu rác tạm tại các điểm cạnh các khu vực trồng cây xanh và thuận tiện cho việc gom dọn của công nhân môi trường. Đối với các

trục đường phố hoặc nơi công cộng đặt các thùng rác nhỏ, có nắp đậy và cách nhau khoảng 60m đến 80m để người dân thuận tiện bỏ rác và chuyển về trạm trung chuyển chất thải để giảm thiểu phát tán mùi hôi.

4.2.1.2. Đối với nước thải

* Nước mưa:

- Lưu vực và hướng thoát nước chính của dự án như sau: toàn bộ nước mưa trong dự án được thoát theo hướng từ Tây Nam lên Đông Bắc bằng hệ thống cống tròn BTCT D400-D800 qua hố ga lắng cặn, thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực qua 01 điểm xả.

- Hệ thống hố ga thăm nước mưa và hố thu nước mặt đường được bố trí cách nhau khoảng 30 m đến 50 m.

* Nước thải sinh hoạt:

- Nước thải sinh hoạt của các hộ dân sau khi được xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại được thu gom vào hệ thống cống HDPE D300; nước thải sinh hoạt khu dân cư hiện trạng tiếp giáp với dự án qua rãnh xây có nắp đậy B=40cm. Sau đó, toàn bộ nước thải được dẫn về trạm xử lý nước thải của dự án (công suất 70 m³/ngày đêm) để tiếp tục xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi thoát ra mạng thoát nước của khu vực thuộc cánh đồng Dộc, thôn Mai Hạ, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa.

- Sơ đồ công nghệ trạm xử lý nước thải sinh hoạt (công nghệ sinh học MBBR): Nước thải → Bể thu gom, tách mỡ → Bể điều hòa → Bể hiếu khí MBBR → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Mạng thoát nước của khu vực.

4.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

* Chất thải sinh hoạt:

- Trên các trục đường đặt các thùng rác công cộng có dung tích từ 150 lít-300 lít/thùng, với khoảng cách của các thùng rác từ 60m đến 80m để người dân thuận tiện bỏ rác. Hàng ngày rác thải phát sinh từ hộ dân, khu vực công cộng được thu gom về trạm trung chuyển rác diện tích 55m² đặt tại phía Đông của dự án, sau đó được vận chuyển đến khu xử lý rác thải tập trung huyện để xử lý.

- Đối với lượng bùn thải từ bể tự hoại của các hộ dân: các hộ dân có trách nhiệm thuê đơn vị chức năng hút cặn, thu gom, xử lý bùn cặn từ bể tự hoại trong công trình của mình (tần suất khuyến khích 01 lần/năm).

* Chất thải rắn phát sinh từ quá trình duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án

- Các loại chất thải rắn (như: bùn đất, cây cối, vật liệu xây dựng hỏng, gạch đá phá dỡ, sửa chữa công trình): Đơn vị được bàn giao quản lý dự án có trách nhiệm hợp đồng với đơn vị đủ chức năng đến thu gom và vận chuyển đi xử lý theo quy định (đối với bùn nạo vét: định kỳ 06 tháng/lần; đối với cây cối, vật liệu xây dựng hỏng, gạch đá phá vỡ: vận chuyển khi phát sinh).

- Đối với đường bê tông hồng phải bóc đi để sửa, sau này sẽ thực hiện bằng công nghệ mới để tái chế, tái sử dụng lại bê tông nhựa vừa được bóc tách ra. Đơn vị được bàn giao quản lý dự án có trách nhiệm hợp đồng các đơn vị có chức năng để tiến hành duy tu, bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật vừa đảm bảo quá trình duy tu bảo dưỡng vừa đảm bảo công tác bảo vệ môi trường.

* Chất thải nguy hại:

- Đối với dầu thải từ thay dầu máy biến áp: Đơn vị quản lý trạm biến áp (Công ty Điện lực Bắc Giang) có trách nhiệm thuê đơn vị có đủ chức năng đến hút, vận chuyển đi xử lý ngay thời điểm thay dầu cho máy. Lượng dầu này không lưu tại dự án.

- Đối với chất thải nguy hại tại các hộ dân: Người dân chịu trách nhiệm thu gom, quản lý chất thải nguy hại phát sinh tại gia đình mình theo quy định. Đơn vị được bàn giao quản lý dự án sẽ tìm đơn vị có đủ chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định và người dân phải tự trả phí cho xe vận chuyển đi xử lý đến thu gom tại nhà.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Bố trí trồng cây xanh trong khu vực dự án, do cây xanh có tác dụng giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ phương tiện giao thông, đồng thời tạo cảnh quan, điều tiết vi khí hậu khu vực.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Bố trí đường ống cấp nước chữa cháy theo mạng vòng tại tất cả các khu nhà. Các trụ nước chữa cháy phải được bố trí dọc theo các đường giao thông bên ngoài và nội bộ với khoảng cách giữa các trụ khoảng 100 m đến 200 m.

- Thi công đường ống thu gom nước thải theo đúng thiết kế, đảm bảo sử dụng hợp lý các loại đường ống và phụ tùng đường ống theo áp lực nước thải cần thu gom.

- Tuân thủ các phương án quy hoạch, đảm bảo cao độ nền và xây dựng hệ thống mương rãnh đảm bảo tiêu thoát nước tự nhiên khi mưa to kéo dài. Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án đầu tư

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm giám sát môi trường trong thời gian thi công xây dựng và cam kết thực hiện chương trình giám sát môi trường như sau:

5.1. Giám sát chất lượng không khí:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực đang xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

- Thông số giám sát: Bụi toàn phần, SO₂, NO₂, CO, tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất giám sát: 01 lần trong giai đoạn thi công xây dựng.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 26:2016/BYT; QCVN 24:2016/BYT; QCVN 27:2016/BYT.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

5.2. Giám sát chất thải:

- Vị trí giám sát: Khu vực phát sinh, lưu giữ.
- Thông số giám sát: Khối lượng, việc thu gom, phân loại và xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải nguy hại.
- Tần suất giám sát: Hàng ngày.
- Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện trách nhiệm của Chủ dự án theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của Chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công.

- Cam kết kiểm soát các nguồn thải phát sinh (bụi, khí thải, nước thải, tiếng ồn) đảm bảo không gây ô nhiễm, ảnh hưởng tới môi trường và các đối tượng xung quanh.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án;

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 490/TTr-TNMT ngày 04/8/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.